

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đề cương và dự toán chi phí Lập Nhiệm vụ
lập Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05/02/2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch;

Căn cứ Thông tư số 08/2019/TT-BKHĐT ngày 17/5/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc Hướng dẫn định mức cho hoạt động quy hoạch;

Căn cứ Thông tư số 113/2018/TT-BTC ngày 15/11/2018 của Bộ Tài chính về việc Quy định về giá trong hoạt động Quy hoạch,

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 392/SKHĐT-TH ngày 16/3/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề cương và dự toán chi phí Lập Nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 như phụ lục kèm theo.

Điều 2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; thành viên Ban chỉ đạo lập Quy hoạch tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP VX;
- Lưu: VT, K1, K7.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Cao Thắng

ĐỀ CƯƠNG VÀ DỰ TOÁN CHI PHÍ LẬP NHIỆM VỤ LẬP QUY HOẠCH TỈNH BÌNH ĐỊNH THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

Phần 1. MỞ ĐẦU

1. Lý do và sự cần thiết lập Nhiệm vụ lập Quy hoạch

Thực hiện Luật Quy hoạch (2017) và Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05/02/2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch năm 2017, UBND tỉnh Bình Định tổ chức lập Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Để triển khai lập Quy hoạch tỉnh, Nhiệm vụ và dự toán lập Quy hoạch tỉnh Bình Định cần được nghiên cứu, xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Mục tiêu, nguyên tắc, phương pháp lập Nhiệm vụ lập Quy hoạch

2.1. Mục tiêu lập Nhiệm vụ lập Quy hoạch

- Nhiệm vụ lập Quy hoạch là căn cứ pháp lý quan trọng để tỉnh Bình Định, đơn vị tư vấn triển khai công tác lập Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Nhiệm vụ lập Quy hoạch đưa ra các yêu cầu về nội dung, nhiệm vụ, kế hoạch, cách thức tổ chức phối hợp giữa các cơ quan có liên quan trong quá trình lập Quy hoạch tỉnh Bình Định.

2.2. Các nguyên tắc lập Nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Bình Định

- Đảm bảo sự tuân thủ, bám sát các quy trình, nội dung, nguyên tắc của Luật Quy hoạch, Nghị định số 37/2019/NĐ-CP, Thông tư số 08/2019/TT-BKHĐT hướng dẫn về định mức cho hoạt động lập quy hoạch.

- Nhiệm vụ lập Quy hoạch phải đảm bảo tính thống nhất, tổng thể, đồng bộ và hệ thống của nội dung Quy hoạch tỉnh Bình Định.

- Đảm bảo tính kế thừa và tính mở để tiếp cận các phương pháp quy hoạch hiện đại trong quá trình lập Quy hoạch tỉnh.

3. Yêu cầu về nội dung của Nhiệm vụ lập Quy hoạch

Nhiệm vụ lập quy hoạch bao gồm những nội dung chủ yếu:

- Căn cứ xây dựng Nhiệm vụ lập quy hoạch.

- Yêu cầu về nội dung lập Quy hoạch: Tên quy hoạch; phạm vi ranh giới, thời kỳ quy hoạch; quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc lập quy hoạch; dự báo triển vọng và nhu cầu phát triển trong thời kỳ quy hoạch; nội dung chính của Quy hoạch; các nội dung đề xuất tích hợp vào Quy hoạch; yêu cầu về thành phần, số lượng, tiêu chuẩn, quy cách hồ sơ quy hoạch.

- Yêu cầu về tính khoa học, tính thực tiễn, độ tin cậy của phương pháp tiếp cận và phương pháp lập quy hoạch.
- Yêu cầu về kế hoạch, tiến độ lập Quy hoạch.

4. Phương pháp lập Nhiệm vụ lập Quy hoạch

- Phương pháp nghiên cứu tại bàn: Được sử dụng để thu thập, tổng quan và phân tích các số liệu, cơ chế, chính sách, pháp luật liên quan tới công tác lập Nhiệm vụ lập Quy hoạch.
- Phương pháp chuyên gia được sử dụng trong quá trình lập Nhiệm vụ lập Quy hoạch.
- Phương pháp nghiên cứu mô hình được sử dụng để tiến hành dự báo triển vọng và nhu cầu phát triển trong thời kỳ quy hoạch.
- Phương pháp cùng tham gia được lựa chọn: Dựa trên sự kết hợp giữa cán bộ, chuyên gia của địa phương với các chuyên gia các cơ quan Trung ương.

Phần 2

NỘI DUNG **ĐỀ CƯƠNG LẬP** NHIỆM VỤ LẬP QUY HOẠCH TỈNH BÌNH ĐỊNH THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

1. Các hoạt động gián tiếp phục vụ lập Nhiệm vụ lập Quy hoạch

Các hoạt động gián tiếp phục vụ cho công tác lập Nhiệm vụ lập Quy hoạch được thực hiện, bao gồm:

- Xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu, xây dựng hồ sơ mời thầu gói thầu “Lập Nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”, lựa chọn nhà thầu tư vấn lập Nhiệm vụ lập Quy hoạch.
- Khảo sát, thu thập số liệu, dữ liệu.
- Tổ chức các hội thảo, hội nghị, tọa đàm để xin ý kiến các chuyên gia, các nhà quản lý để hoàn thiện lập Nhiệm vụ lập Quy hoạch.
- Tổ chức các hoạt động cho công tác thẩm định Nhiệm vụ lập Quy hoạch; hoàn thiện và trình Thủ tướng phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch.

2. Các hoạt động trực tiếp lập Nhiệm vụ lập Quy hoạch

Các hoạt động trực tiếp phục vụ cho công tác lập Nhiệm vụ lập Quy hoạch được đơn vị tư vấn thực hiện, bao gồm:

- Thu thập, phân tích, xử lý thông tin dữ liệu ban đầu phục vụ lập Nhiệm vụ lập Quy hoạch.
- Xây dựng Nhiệm vụ lập Quy hoạch:
 - + Xây dựng các yêu cầu về nội dung lập Nhiệm vụ lập Quy hoạch: Phạm vi, ranh giới, thời kỳ lập quy hoạch; quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc lập quy hoạch; dự báo triển vọng và nhu cầu phát triển trong thời kỳ quy hoạch; nội dung chính của quy hoạch và nội dung đề xuất; yêu cầu về đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC); thành phần, số lượng, tiêu chuẩn, quy cách hồ sơ quy hoạch.
 - + Xây dựng các yêu cầu về tính khoa học, tính thực tiễn, độ tin cậy của phương pháp tiếp cận và phương pháp lập quy hoạch.
 - + Xây dựng kế hoạch và tiến độ lập quy hoạch.
- Xây dựng dự toán kinh phí trực tiếp lập Quy hoạch và các nội dung đề xuất để tích hợp vào Quy hoạch tỉnh.
- Xây dựng các dự thảo văn bản trình thẩm định và phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch.

Phần 3

HỒ SƠ SẢN PHẨM, DỰ TOÁN KINH PHÍ, KẾ HOẠCH THỰC HIỆN VÀ TỔ CHỨC LẬP NHIỆM VỤ LẬP QUY HOẠCH

1. Hồ sơ sản phẩm Nhiệm vụ lập Quy hoạch

- Báo cáo thuyết minh Nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Báo cáo thuyết minh dự toán kinh phí lập Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Báo cáo rà soát, đánh giá thực hiện các quy hoạch thời kỳ trước.
- Dự thảo văn bản trình thẩm định Nhiệm vụ lập Quy hoạch.
- Dự thảo Quyết định phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch.
- Các tài liệu liên quan khác.

2. Dự toán kinh phí lập Nhiệm vụ lập Quy hoạch

2.1. Căn cứ pháp lý

- Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;
- Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;
- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;
- Thông tư số 08/2019/TT-BKHĐT ngày 17/5/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về định mức cho hoạt động quy hoạch;
- Thông tư số 113/2018/TT-BTC ngày 15/11/2018 của Bộ Tài chính quy định về giá trong hoạt động quy hoạch.

2.2. Dự toán kinh phí lập Nhiệm vụ lập quy hoạch

Tổng kinh phí lập Nhiệm vụ lập quy hoạch: 721.786.000 đồng, trong đó chi phí gián tiếp lập Nhiệm vụ lập quy hoạch: 226.786.000 đồng; chi phí trực tiếp lập Nhiệm vụ lập quy hoạch: 495.000.000 đồng.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

2.3. Nguồn vốn lập Nhiệm vụ lập Quy hoạch: Ngân sách nhà nước (vốn đầu tư công).

3. Kế hoạch lập Nhiệm vụ lập Quy hoạch

- Tổ chức khảo sát, thu thập thông tin phục vụ lập Nhiệm vụ lập quy hoạch: Tháng 03/2020.

- Tổ chức nghiên cứu xây dựng Nhiệm vụ lập Quy hoạch: Tháng 03-4/2020.

- Trình các cơ quan có thẩm quyền cho ý kiến về nội dung Nhiệm vụ lập quy hoạch: Tháng 4/2020.

- Trình thẩm định và phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch: Tháng 4/2020.

4. Tổ chức thực hiện lập Nhiệm vụ lập Quy hoạch

- Cơ quan tổ chức lập Nhiệm vụ lập Quy hoạch: UBND tỉnh Bình Định.

- Cơ quan lập Nhiệm vụ lập Quy hoạch: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Đơn vị tư vấn: Lựa chọn theo Luật Đấu thầu.

Phụ lục: Dự toán kinh phí lập Nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

1. Căn cứ lập dự toán

- Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;
- Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;
- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;
- Thông tư số 08/2019/TT-BKHĐT ngày 17/5/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc Hướng dẫn định mức cho hoạt động quy hoạch;
- Thông tư số 113/2018/TT-BTC ngày 15/11/2018 của Bộ Tài chính về việc Quy định về giá trong hoạt động Quy hoạch,

Theo đó, kinh phí lập Nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được tính như sau:

2. Tổng kinh phí cho hoạt động lập, thẩm định và phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch bao gồm:

- Chi phí cho hoạt động trực tiếp lập Nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh.
- Chi phí cho hoạt động gián tiếp lập Nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh.

3. Xác định kinh phí cho các hoạt động trực tiếp để lập, thẩm định và phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch

- Xác định hệ số K của tỉnh

Căn cứ theo Mục 3 và Mục 4 trong Phụ lục 1 của Thông tư số 08/2019/TT-BKHĐT, việc xác định hệ số K cho tỉnh Bình Định được tính như sau:

Hệ số K của tỉnh Bình Định được tính: $K = H_{1T} \times H_{2T} \times H_{3T} \times K_1$

Trong đó: $H_{1T} = \log(\text{Quy mô dân số tỉnh}) / \log(P_{\text{chuẩnT}})$

$$= \log(1535) / \log(1400) = 1,013$$

$H_{2T} = \log(\text{Quy mô diện tích tỉnh}) / \log(S_{\text{chuẩnT}})$

$$= \log(6066) / \log(5000) = 1,023$$

$H_{3T} = \log(\text{GRDP trên địa bàn tỉnh}) / \log(\text{GRDP}_{\text{chuẩnT}})$

$$= \log(70214) / \log(75000) = 0,994$$

$K_1 = 1,05$ (Tỉnh có Thành phố Quy Nhơn là Đô thị loại I)

Do đó: Hệ số $K = 1,013 \times 1,023 \times 0,994 \times 1,05 = 1,081$

- Định mức ngày công cho các hoạt động trực tiếp

Định mức ngày công cho các hoạt động trực tiếp của nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Bình Định sẽ là:

$$B_{\text{Bình Định}} = B_{\text{chuẩnT}} \times K = B_{\text{chuẩnT}} \times 1,081$$

Trong đó: $B_{\text{Bình Định}}$ là định mức ngày công cho các hoạt động trực tiếp của nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Bình Định;

$B_{\text{chuẩnT}}$ định mức ngày công cho các hoạt động trực tiếp của nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh chuẩn

- Mức lương đối với chuyên gia tư vấn

Căn cứ theo Điều 5, Thông tư số 113/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về giá trong hoạt động quy hoạch, mức lương đối với chuyên gia tư vấn theo ngày được xác định theo thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH và được tính cụ thể theo công thức sau:

$$CG1 = 40.000.000 \text{ đồng} : 26 \text{ ngày} \times 1,3 = 2.000.000 \text{ đồng/ngày}$$

$$CG2 = 30.000.000 \text{ đồng} : 26 \text{ ngày} \times 1,3 = 1.500.000 \text{ đồng/ngày}$$

$$CG3 = 20.000.000 \text{ đồng} : 26 \text{ ngày} \times 1,3 = 1.000.000 \text{ đồng/ngày}$$

$$CG4 = 15.000.000 \text{ đồng} : 26 \text{ ngày} \times 1,3 = 750.000 \text{ đồng/ngày}$$

- Kinh phí cho mỗi hoạt động trực tiếp của nhiệm vụ lập Quy hoạch

Kinh phí cho mỗi hoạt động trực tiếp của nhiệm vụ lập Quy hoạch được tính như sau:

Lấy mức lương chuyên gia cao nhất nhân (x) với định mức ngày công

Ví dụ:

Nhóm CG1,CG2,CG3,CG4 hoặc CG1,CG3,CG4... thì lấy mức lương của CG1 nhân với định mức ngày công của hoạt động đó.

Nhóm CG2,CG3,CG4 thì lấy mức lương của CG2 nhân với định mức ngày công của hoạt động.

Tương tự với nhóm CG3,CG4 thì lấy mức lương của CG3 nhân với định mức ngày công của hoạt động.

- Dự toán kinh phí cho hoạt động trực tiếp tại Mục 5 của Phụ lục này.

4. Xác định kinh phí gián tiếp cho hoạt động lập Nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Bình Định

Đầu mục các chi phí hoạt động gián tiếp hoạt động lập Nhiệm vụ lập Quy hoạch được xác định theo Thông tư số 08/2019/TT-BKHĐT ngày 17/5/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về định mức cho hoạt động quy hoạch. Các hạng mục chi phí này được xác định theo bảng sau:

Bảng 1: Các đầu mục kinh phí gián tiếp cho lập Nhiệm vụ lập Quy hoạch

Đơn vị: 1.000 đồng

TT	NỘI DUNG
1	Lựa chọn tổ chức tư vấn lập nhiệm vụ
2	Khảo sát thực tế
3	Tổ chức hội thảo, hội nghị, tọa đàm
4	Tổ chức thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch
5	Chi phí quản lý

5. Dự toán kinh phí hoạt động lập, thẩm định và phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Dự toán kinh phí lập, thẩm định và phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Bình Định được tính như sau:

**Bảng 2: Dự toán kinh phí lập, thẩm định và phê duyệt
Nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021-2030,
tầm nhìn đến năm 2050**

Đơn vị: 1.000 đồng

TT (1)	Nội dung (2)	Mức chuyên gia (3)	Ngày công quy đổi tính chuẩn (4)	Hệ số (K = H1T+ H2T + H3T+K1) (5)	Giá chuyên gia cao nhất (6)	Ngày công quy đổi tối đa theo Thông tư 08 (7=4x5)	Ngày công quy đổi theo thực tế (9)	Kinh phí tối đa theo Thông tư 08 (9=6x7)	Kinh phí dự toán tỉnh Bình Định (10=6x8)
I	KINH PHÍ TRỰC TIẾP CHO LẬP NHIỆM VỤ LẬP NHIỆM VỤ LẬP QUY HOẠCH							549.364	495.000
	THUẾ VAT 10%							49.942	45.000
	KINH PHÍ TRỰC TIẾP TRƯỚC THUẾ							499.422	450.000
1	Thu thập thông tin dữ liệu ban đầu phục vụ lập nhiệm vụ lập quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	30	1,081	2.000	32,43	29	64.860	58.000
2	Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh							355.649	320.500
a	Xây dựng các yêu cầu về nội dung nhiệm vụ lập quy hoạch							277.277	248.500
a.1	Phạm vi, ranh giới, thời kỳ lập quy hoạch	CG2, CG3	7	1,081	1.500	7,57	7	11.351	10.500
a.2	Quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc lập quy hoạch	CG1, CG2, CG3	25	1,081	2.000	27,03	24	54.050	48.000
a.3	Dự báo triển vọng và nhu cầu phát triển trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2, CG3	35	1,081	2.000	37,84	35	75.670	70.000
a.4	Nội dung chính của quy hoạch và nội dung đề xuất	CG1, CG2, CG3, CG4	50	1,081	2.000	54,05	47	108.100	94.000
a.5	Đánh giá môi trường chiến lược	CG1, CG2, CG3	8	1,081	2.000	8,65	8	17.296	16.000
a.6	Thành phần, số lượng, tiêu chuẩn, quy cách hồ sơ quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	5	1,081	2.000	5,41	5	10.810	10.000

TT (1)	Nội dung (2)	Mức chuyên gia (3)	Ngày công quy đổi tính chuẩn (4)	Hệ số (K = H1T+ H2T + H3T+K1) (5)	Giá chuyên gia cao nhất (6)	Ngày công quy đổi tối đa theo Thông tư 08 (7=4x5)	Ngày công quy đổi theo thực tế (9)	Kinh phí tối đa theo Thông tư 08 (9=6x7)	Kinh phí dự toán tính Bình Định (10=6x8)
b	Xây dựng các yêu cầu về tính khoa học, tính thực tiễn, độ tin cậy của phương pháp tiếp cận và phương pháp lập quy hoạch	CG2, CG3, CG4	15	1,081	1.500	16,22	16	24.323	24.000
c	Xây dựng kế hoạch và tiến độ lập quy hoạch	CG1, CG2, CG3	25	1,081	2.000	27,03	24	54.050	48.000
3	Xây dựng dự toán lập quy hoạch và các nội dung đề xuất	CG2, CG4	30	1,081	1.500	32,43	29	48.645	43.500
4	Xây dựng các dự thảo văn bản trình thẩm định và phê duyệt	CG1, CG3	14	1,081	2.000	15,13	14	30.268	28.000
II	KINH PHÍ GIÁN TIẾP CHO LẬP NHIỆM VỤ LẬP QUY HOẠCH							226.786	226.786
1	Lựa chọn tổ chức tư vấn lập nhiệm vụ lập quy hoạch							10.000	10.000
2	Khảo sát thực tế							53.586	53.586
	Xăng xe: 11 chuyến x 150 km/chuyến x 0,22 lít/1km x 22.000 đồng/lít							7.986	7.986
	Công tác phí: 11 chuyến x 4 người/ chuyến x3 ngày/chuyến x 200.000 đ/ngày							26.400	26.400
	Tiền ngủ: 8 chuyến x 4 người/ chuyến x 2 đêm/chuyến x 300.000 đồng/đêm							19.200	19.200
3	Tổ chức hội thảo, hội nghị, tọa đàm	Số lượng người/cuộc	Số cuộc	Định mức				93.200	93.200
a	Chi phí tổ chức							63.200	63.200
	Chủ trì	1	2	1.500				3.000	3.000

TT (1)	Nội dung (2)	Mức chuyên gia (3)	Ngày công quy đổi tính chuẩn (4)	Hệ số (K = H1T+ H2T + H3T+K1) (5)	Giá chuyên gia cao nhất (6)	Ngày công quy đổi tối đa theo Thông tư 08 (7=4x5)	Ngày công quy đổi theo thực tế (9)	Kinh phí tối đa theo Thông tư 08 (9=6x7)	Kinh phí dự toán tính Bình Định (10=6x8)
	Thư ký	1	2	500				1.000	1.000
	Đại biểu tham dự	70	2	200				28.000	28.000
	Bài viết nhận xét	6	2	2.000				24.000	24.000
	Tài liệu	72	2	50				7.200	7.200
b	Chi phí đi lại, lưu trú cho chuyên gia							30.000	30.000
	Thuê phương tiện đưa đón	6	2	2.000				24.000	24.000
	Phụ cấp lưu trú	6	2	200				2.400	2.400
	Phòng nghỉ	6	2	300				3.600	3.600
4	Tổ chức thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch							50.000	50.000
5	Chi phí quản lý							20.000	20.000
	TỔNG KINH PHÍ (I+II)							776.150	721.786

Bằng chữ: Bảy trăm hai mươi một triệu bảy trăm tám mươi sáu nghìn đồng./.